TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/DS-PT
Ngày: 09-01-2024
V/v Tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 477/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 201/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 956/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Tấn C, sinh năm 1980.

- Địa chỉ: khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đăng K, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

Ông Nguyễn Chí C1, sinh năm 1981;

Bà Nguyễn Thị Thắm E, sinh năm 1979;

Cùng Địa chỉ: ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của ông C1 và bà Thắm E: Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường N, phường C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B nước giải khát Cường Thoa.

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chí C1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Bà Nghiêm Thị Hồng N, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số C, khu phố A, phường D, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

- *Người kháng cáo:* các bị đơn Nguyễn Chí C1 và Nguyễn Thị Thắm E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

**Nguyên đơn ông Võ Tấn C ủy quyền cho anh Trần Đăng K trình bày:*

Vợ chồng ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E (T) là nhà phân phối bia Cường Thoa, ông C là khách hàng thân thiết từ nhiều năm nay của ông C1 và bà E vì vậy thường đặt bia với số lượng lớn ở chỗ ông C1 và bà E, mỗi lần đặt hàng thường trả tiền mặt cho ông C1 và bà E trước rồi nhận hàng sau.

Ngày 28/12/2022, ông C đã đặt hàng và đưa tiền trước cho ông C1 và bà E để đặt mua hàng cụ thể như sau:

- 7.604 thùng bia S 24 lon x 238.310 đồng/thùng với số tiền là 1.812.109.240 đồng.

- 1.803 két bia S nước trắng lớn x 133.700 đồng/ thùng với số tiền 241.061.100 đồng.

- 11.108 két bia S nước trắng nhỏ x 124.800 đồng/thùng với số tiền là 1.386.278.400 đồng.

- 91 két bia Sài G chill x 302.000 đồng/kết với số tiền là 27.482.000 đồng.

Tổng số tiền ông C đã đưa cho ông C1 và bà E để đặt hàng là 3.466.930.740 đồng. Với số tiền mua hàng này ông C được chiết khấu 35.000.000 đồng.

Trước đó, ông C có thiếu nợ ông C1, bà E 13.548.000 đồng tiền mua 18 két bia S lùn và 30 thùng bia Sài Gòn S. Sau khi trừ số tiền ông C còn nợ ông C1, bà E và tiền chiết khấu bia thì tổng cộng ông C đã giao cho ông C1 và bà E số tiền mua 3.488.382.740 đồng nhưng ông C1, bà E lại không giao hàng cho ông C để bán như đã thỏa thuận.

Ngoài ra, trước đây vào ngày 01/11/2022 ông C1 và bà E có vay ông C số tiền 700.000.000 đồng để làm vốn kinh doanh, không có tính lãi, ông C1 và bà E hứa khi nào ông C cần lấy lại tiền sẽ trả lại nhưng khi yêu cầu ông C1 và bà E chỉ trả lại 100.000.000 đồng, còn thiếu lại 600.000.000 đồng đến nay không trả.

Ngày 02/02/2022, ông C và ông C1 có đối chiếu nợ và có làm biên nhận xác nhận còn nợ ông C số tiền là 4.088.382.740 đồng và hứa sẽ trả tiền hàng tháng nhưng đến nay ông C1 và bà E vẫn không trả tiền theo thỏa thuận.

Việc ông C1 và bà E thiếu tiền mua hàng và tiền mượn của ông C nhưng không trả thời gian qua đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C rất nhiều nên ông C đã khởi kiện ông C1 và bà E tại Tòa án huyện C.

Quá trình giải quyết vụ án ông C nhận thấy, hành vi chiếm đoạt số tiền 3.488.328.740 đồng tiền mua bia của ông C1 có dấu hiệu của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" nên đã có đơn tố giác ông C tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T. Ngày 19/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T có công văn số 79/VPCQCSĐT ngày 19/4/2023 có nội dung đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy đình chỉ giải quyết tranh chấp đối với số tiền mua bia 3.488.382.740 đồng theo đơn khởi kiện của ông C đối với ông C1 và bà E tại Tòa án để chờ kết quả điều tra xác minh nên ông C tạm thời rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông C1 và bà E trả số tiền 3.488.382.740 đồng.

Nay ông C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E phải liên đới trả số tiền 600.000.000 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**Bị đơn ông Nguyễn Chí C1 ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc D trình bày:*

Năm 2019, ông C1 thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B nước giải khát Cường Thoa (gọi tắt là: Công ty) theo giấy chứng nhận của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh T, mã số doanh nghiệp 1201613463, do ông C1 làm Giám đốc (thường gọi là nhà phân phối bia Cường T1). Giữa Công ty và ông Võ Tấn C có làm ăn mua bán bia và nước giải khát với nhau, ông C thường đặt bia ở Công ty của ông C1.

Ngày 01/11/2022 ông C1 đại diện cho công ty có làm giấy vay của ông Võ Tấn C số tiền 700.000.000 đồng, đến ngày 30/11/2022 Công ty ông C1 đã trả 100.000.000 đồng, còn nợ lại 600.000.000 đồng. Đến ngày 02/02/2023 ông C1 đại diện cho công ty có ký vào giấy xác nhận còn nợ ông C 600.000.000 đồng.

Việc ông C1 đại diện công ty có làm giấy vay nợ với ông C thì vợ là Nguyễn Thị Thắm E không biết và cũng không có ký vào bất ký giấy tờ gì liên quan tới các số tiền nợ.

Tất cả các giao dịch giữa Công ty ông C1 và ông C đến khi xảy ra vụ kiện là do ông C1 đại diện Công ty đứng ra thực hiện, bản nhận nợ do ông C viết sẵn rồi đưa cho ông C1 đại diện Công ty ký, bà E không có ký vào bất kỳ văn bản nợ tiền nào với C nên ông C yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp

tạm thời "phong tỏa tài sản" của bà E là không đúng vì đó là tài sản riêng của bà E.

Nay ông C1 đề nghị Toà án nhân huyện C giải quyết: Bác đơn khởi kiện của ông C đối với ông C1 và bà E vì đây là nợ của Công ty do là người đại diện theo pháp luật chứ không phải nợ của cá nhân ông C1 và không liên quan đến bà E. Ông C1 đồng ý trả ngay số tiền 600.000.000 đồng còn nợ cho ông C với tư cách cá nhân nếu ông C đề nghị Tòa án hủy biện pháp khẩn cấp tạm thời đã áp dụng đối với tài sản của bà E.

Đối với số tiền số tiền mua bia 3.488.382.740 đồng, do ông C tố giác ông C1 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và đang được cơ quan này thụ lý giải quyết, tại phiên tòa ông C rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nay nên C1 thống nhất và không có ý kiến.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị Thắm E ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc D trình bày:*

Bà E không đồng ý với yêu cầu của ông C vì bà không phải là người có nghĩa vụ tài sản trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản đối với ông C, theo hồ sơ vụ án thì không có bất kỳ văn bản nào bà E ký nợ tiền với ông C, ông C không có bằng chứng nào đưa tiền cho bà E, biên bản nhận nợ do ông C viết sẵn đưa cho ông C1 ký vào, biên bản nhận nợ không biết được lập ở đâu, nếu là nợ chung thì phải có mặt cả hai vợ chồng và cùng ký tên mới hợp pháp nên ông C yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản" của bà E là không đúng vì đó là tài sản riêng của bà E.

Nay bà E đề nghị Toà án giải quyết: Bác đơn khởi kiện của ông C đối với bà E vì đây là nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B nước giải khát Cường Thoa do ông C1 là người đại diện theo pháp luật và không liên quan đến bà E.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nghiêm Thị Hồng N trình bày:*

Bà L vợ ông Võ Tấn C, bà thống nhất lời trình bày của ông C.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên B nước giải khát Cường Thoa do ông Nguyễn Chí C1 là người đại diện theo pháp luật xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại bản án sơ thẩm số 201/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 288, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân

sự năm 2015; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn C.

1. Buộc ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Tấn C số tiền 600.000.000 đồng. Trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Võ Tấn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCCT ngày 27/02/2021 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCCT ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn C yêu cầu ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E trả số tiền 3.488.382.740 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí dân sự sơ thẩm, giải thích về quyền kháng cáo và quyền thỏa thuận thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

***** Ngày 15/9/2023, các bị đơn Nguyễn Chí C1 và Nguyễn Thị Thắm E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét lại bản án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C1, bà E.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời sđiểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: bà E kháng cáo không đồng ý trả số tiền 600.000.000 đồng. Bà E và ông C1 là vợ chồng hợp pháp, nơi đăng ký kinh doanh cũng là nơi sinh sống của gia đình, ông C1 và bà E đã nhiều lần vay vốn ngân hàng và cùng thế chấp tài sản cá nhân. Ông C1, bà E cho rằng số tiền nợ 600.000.000 đồng là tiền của công ty, nhưng tại giấy xác nhận thể hiện đây là nợ

của cá nhân chứ không phải nợ của công ty. Do đó đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C1, bà E giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Chí C1 đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên C3, bà Nghiêm Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C1, bà N là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn ông Võ Tấn C2 khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Chí C1, bà Nguyễn Thị T2 Em trả tiền vay còn nợ là 600.000.000 đồng, án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn ông C với bị đơn ông C1, bà E là đúng trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung kháng cáo: đơn kháng cáo của ông C1, bà Thắm E đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Tại phiên Tòa phúc thẩm ông Nguyễn Ngọc D người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông C1, bà Thắm E có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu: tòa án hủy bản biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với số tài khoản ngân hàng của công ty C3 và biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với chiếc xe của bà T2. Đơn kháng cáo của ông C1, bà T2 không đồng ý án sơ thẩm xử buộc trả số tiền 600.000.000 đồng, nay ông D kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là vượt quá yêu cầu kháng cáo ban đầu. Biện pháp khẩn cấp tạm thời là một thủ tục tố tụng riêng, nếu không đồng ý thì có quyền khiếu nại theo quy định của Bộ luật tụng dân sự. Do đó hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đối với yêu cầu kháng cáo bổ sung trên.

[6] Về nội dung: Ngày 15/9/2023, các bị đơn Nguyễn Chí C1 và Nguyễn Thị Thắm E có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét lại bản án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông C.

[7] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Chí C1 và chị Nguyễn Thị Thắm E:

Tại bản ghi nhận nợ ngày 01/11/2022 thể hiện tôi tên Nguyễn Chí C1 có mượn của vợ chồng Tấn C số tiền 700.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông C1 thừa nhận biên nhận trên là do ông viết và ký tên.

Thỏa thuận khi nào ông C cần lấy lại tiền thì sẽ trả đủ, sau đó đến ngày 30/11/2022 ông C1 trả được 100.000.000 đồng, còn thiếu lại 600.000.000 đồng đến nay không trả là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận nên ông C khởi kiện yêu cầu trả lại tiền là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của ông C1 thừa nhận mục đích ông C1 vay số tiền 700.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn cho Công ty, lợi nhuận của Công ty để phục vụ sinh hoạt chi tiêu trong gia đình, ông C1 không có khoản chi tiêu riêng cho cá nhân hay khoản chi tiêu nào khác. Tại hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 245 ngày 05/6/2023 theo đơn khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 đối với ông C1 và bà E tại Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy thể hiện: Bà E và ông C1 là vợ chồng hợp pháp từ năm 2014 đến nay theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/3/2014 của Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Tiền Giang. Ngày 01/10/2019, ông C1 đăng ký thành lập Công ty do ông là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật có địa chỉ tại tổ H, ấp A, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang cũng là nơi sinh sống của gia đình ông C1, bà E. Mặc dù là Công ty do ông C1 là người đại diện theo pháp luật nhưng từ năm 2015, 2018, 2019 và 2022 ông C1 và bà E có nhiều lần vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 và thế chấp nhiều loại tài sản là quyền sử dụng đất và quyền sở hữu xe ô tô tải do bà E đứng tên cho Ngân hàng để vay vốn nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh mua bán bia, nước ngọt cho Công ty. Do đó có căn cứ xác định số tiền 600.000.000 đồng ông C1 còn nợ ông C là nợ chung vợ chồng của ông C1 và bà E trong thời kỳ hôn nhân nên ông C yêu cầu bà E có nghĩa vụ liên đới cùng ông C1 trả tiền là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 288 Bộ Luật dân sự và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình và nên chấp nhận.

Ông C1 kháng cáo cho rằng số tiền nợ của ông C là của Công ty do ông C1 là người đại diện theo pháp luật, mâu thuẫn với nội dung biên nhận ngày 01/11/2022.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông D cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh do bà Nguyễn Thị Thắm E đứng tên, thể hiện địa điểm kinh doanh cũng là nơi sinh sống của gia đình của ông C1, bà E và cũng là địa chỉ của công ty. Bà Thắm E kháng cáo cho rằng đây là nợ của ông C1 không đồng ý liên đới trả là không có căn cứ để chấp nhận.

Ông C1, bà Thắm E kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[8] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: ông C1, bà E phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Chí C1, bà Nguyễn Thị Thắm E.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 201/2023/DS-ST ngày 14/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 288, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn C.

1. Buộc ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Tấn C số tiền 600.000.000 đồng. Trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Võ Tấn C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và khoảng thời gian chậm thi hành án.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2023/QĐ-BPKCCT ngày 27/02/2021 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2023/QĐ-BPKCCT ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy cho đến khi có Quyết định khác thay thế.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Tấn C yêu cầu ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E trả số tiền 3.488.382.740 đồng.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E phải liên đới chịu 28.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông Võ Tấn C 32.442.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0017209 ngày 15/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ông Nguyễn Chí C1 và bà Nguyễn Thị Thắm E mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo hai biên lai thu số 0017951 ngày 15/9/2023

và biên lai thu số 0017950 ngày 15/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

"Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Ngọc Tuyền